

YÊU NGƯỜI, GIÚP ĐỜI - HẠT NGỌC NHÂN VĂN TRONG PHẠM TRÙ NHÂN CỦA HỌC THUYẾT NHO GIÁO

ĐOÀN TRIỆU LONG^(*)

Điều đầu tiên cần khẳng định lại: Nho giáo là một học thuyết nhập thế; Nho giáo coi trọng cộng đồng và trách nhiệm với cộng đồng hơn vai trò của cá nhân và hạnh phúc cá nhân, coi trọng nghĩa tình hơn lợi ích. Con người lí tưởng Nho giáo phải luôn sẵn sàng xả thân vì việc nghĩa, hi sinh để bảo vệ cộng đồng, “kiến nghĩa, phi dũng giả”; con người sống giữa xã hội và sống cho xã hội; “người ta không thể làm bạn với cầm thú, ta không sống chung với người trong xã hội này thì ta biết sống với ai”⁽¹⁾. Quả thật, ánh sáng ấm áp của tình người và trách nhiệm làm người đã rực sáng lên trong câu nói ấy. Chính bởi lẽ đó, Phan Ngọc nhận định rằng Nho giáo là học thuyết đầu tiên nhìn nhận con người giữa những con người và chỉ giữa con người... và nói với con người cái chân lí bất tử rằng sống là chịu trách nhiệm (*Cách tiếp cận của Khổng Tử* - Phan Ngọc).

Nhân là một trong những phạm trù cơ bản của học thuyết Nho giáo. Ngay từ triết thuyết chính trị Nhân - Lễ - Chính danh, cho đến việc lập đức của người quân tử: Nhân - Trí - Dũng, hay trong Ngũ thường mà suốt đời người quân tử luôn hướng tới: Nhân - Nghĩa - Lễ - Trí - Tín. Nói cách khác, trong cuộc hành trình nhập thế của người quân tử, Nhân là vũ khí tối cao để họ có thể tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ; và Nhân cũng là mục đích cuối cùng của quá trình nhập thế ấy. Để có được trọng trách là trung tâm của

một học thuyết đồ sộ, tồn tại và phát triển suốt 2500 năm, ắt hẳn phạm trù Nhân phải mang trong mình những nội dung mà các nhà tư tưởng sáng lập đã gửi nhiều lí trí và tâm huyết. Ở đây, chúng tôi xin nói về lòng Yêu người và Giúp đời trong phạm trù Nhân - một nội dung thể hiện tính nhập thế và sự nhân đạo rõ ràng nhất của Nho giáo.

Trong học thuyết Nho giáo, nói đến Nhân là nói đến những tình cảm chân thành, những cảm xúc nồng nàn giữa người với người, trong đó lòng yêu thương con người được đặt lên trên hết. Trần Trọng Kim nhận định: “Chữ Nhân này hàm cả cái ý chữ Ái, vì có Nhân mới có Ái, và có ái mới có lòng thương người yêu vật”⁽²⁾. Quả đúng vậy, khi Phàn Trì hỏi về Nhân, Khổng Tử trả lời: “Nhân là yêu người”. Câu trả lời ngắn gọn súc tích nhưng hàm chứa trong nó tuyên ngôn của một học thuyết Đức trị đề cao nhân nghĩa. Nho giáo kêu gọi con người sống là để yêu thương nhau, xuất phát từ lòng Nhân hòa hợp, xem nhau như anh em ruột thịt.

Đạt đến đỉnh cao của Đức Nhân, theo Nho giáo, con người phải biết vui cùng

*. Th.S., Khoa Dân tộc - Tôn giáo, Học viện Chính trị Hồ Chí Minh khu vực III, Học viện Chính trị Quốc gia.

1. Đoàn Trung Còn (dịch), sách *Tứ Thư*, phần Luận Ngữ, thiên Vi Tử, trang 289, Nxb. Thuận Hoá, 2000.

2. Trần Trọng Kim. *Nho giáo*, tr. 82, quyển thượng, Nxb. Tân Việt, Sài Gòn.

niềm vui của người khác, buồn cùng nỗi buồn của người khác. Sau này Mạnh Tử cũng cho rằng “Lòng trắc ẩn là đầu mối của Đức Nhân”. Xuất phát từ lòng yêu người, con người không chỉ biết kính yêu “riêng cha mẹ mình là cha mẹ” (Bất độc thân kì thân), và cũng không phải yêu thương “riêng con mình là con” (bất độc tử kì tử) mà phải chan hòa trong một tình yêu rộng lớn “bốn bể đều là anh em”. Cũng xuất phát từ lẽ đó, Khổng Tử cho rằng “Đạo của ta nói một lẽ mà thông suốt tất cả” (Ngô đạo nhất dĩ quán chi), và cái lẽ đó chính là chữ Thứ, nghĩa là yêu thương. Trong *Luận Ngữ*, còn ghi lời dạy của Khổng Tử: “Muốn có Nhân, phải làm được năm điều trong thiên hạ, đó là Cung, Khoan, Tín, Mẫn, Huệ”⁽³⁾. Trong đó, nội dung Khoan có nghĩa là bao dung, nhân ái với mọi người; đạo nhập thế của Nho giáo chỉ thành công khi có được lòng khoan (khoan tắc đắc chúng).

Như vậy, xuyên suốt cả phạm trù Nhân của Nho giáo, lòng yêu người lấp lánh sáng, mang một sức sống mãnh liệt vượt qua mọi triều đại, mọi biên giới. Nhân chiếm một vị trí đặc biệt, tạo nên một đặc trưng cơ bản của học thuyết này, đó là tính Đức Trị, trị nước bằng đạo đức, tình cảm, lễ nghĩa - khác hẳn với học thuyết Pháp trị của Hàn Phi Tử sau này.

“Yêu người là phải giúp đời”, đây là hệ quả tất yếu và biểu hiện rõ ràng nhất của phạm trù Nhân. Nói cách khác, Nho giáo đã tìm cách để cụ thể hóa tình yêu ấy vào trong cuộc sống. “Kỉ sở bất dục, vật thi ư nhân” và “Phù nhân dã kỉ dục lập nhi lập nhân, kỉ dục đạt nhi đạt nhân”. Những lời trên của Khổng Tử đã thể hiện một tinh thần giúp người đầy trách nhiệm của Nho giáo. Thực tế, giúp người đã bao hàm trong đó cả ý Yêu người, bởi có yêu thương thì mới tự nguyện giúp đỡ nhau, ai biết giúp đời, kẻ đó mới thực sự yêu

người. Chính từ ý thức giúp người mà quan niệm về Nhân của Khổng Tử cũng trở nên vô cùng linh hoạt tinh tế. Khi Tử Lộ và Tử Cung chê Quản Trọng là bất nhân vì không trung với chủ, Khổng Tử đã phản đối và khẳng định rằng Quản Trọng là đại nhân vì đã giúp được nhiều điều cho nhân dân rằng: “Quản Trọng giúp Hoàn Công làm bá các chư hầu, thiên hạ quy về một mối bình yên, nhân dân đến nay còn mang ơn ông...”⁽⁴⁾. Vậy theo Khổng Tử giúp ích cho dân cho nước (nói rộng ra là giúp đời) là một tiêu chí quan trọng để đánh giá đức Nhân. Điều này quả vô cùng quý báu. Vì Nhân của Khổng Tử cũng vì thế mà có tác dụng lâu dài trong xã hội, được nhiều quốc gia, nhiều triều đại xem là cảm nang để hành đạo yên dân.

Trong học thuyết Nho giáo, Khổng Tử không chỉ nói đến lòng thương người mà vấn đề là phải thương người như thế nào, giúp đời ra sao. Ta hãy nghe một đoạn đối thoại giữa Nhiệm Hữu và Khổng Tử: “Nhiệm Hữu: Nước đã đông dân rồi thì phải làm thêm gì nữa? Khổng Tử: Phải làm cho họ giàu lên. Nhiệm Hữu: Đã giàu rồi thì phải làm thêm gì nữa? Khổng Tử: Phải giáo dục họ”⁽⁵⁾... Suy nghĩ về sự giúp người như vậy thật là biện chứng và thiết thực. Giúp người dân cũng phải thực hiện từng bước - từ miếng cơm manh áo (ăn mặc) rồi đến giáo dục lễ nghĩa. Sau này điều ham muốn tốt bậc của Hồ Chí Minh cũng đi theo logic tương tự: “Đồng bào a cũng có cơm ăn, ai cũng có áo mặc, a cũng được học hành...”. Yêu người và giúp đời có phương pháp, đó là điều thật đáng khâm phục và trân trọng đối với một học thuyết tồn tại cách chúng ta hàng bao thế kỉ.

3. Đoàn Trung Còn dịch, Sdd., phần Luận Ngữ thiên Dương Hóa, tr. 273.

4. Đoàn Trung Còn dịch, Sdd., thiên Hiến Văn, tr. 215.

5. Đoàn Trung Còn (dịch), Sdd., thiên Tử Lộ, tr. 197.

Nói như vậy không có nghĩa lòng yêu người và giúp đời của Nho giáo là hoàn toàn hợp lí, mà đó là tình cảm có tính đẳng cấp rõ rệt. Xuất thân từ tầng lớp quý tộc và mục đích theo suốt cuộc đời của Khổng Tử là vì sự hưng thịnh của chế độ phong kiến, tình yêu thương của Khổng Tử không đủ chỗ để dành cho tất cả mọi tầng lớp trong xã hội mà nó chỉ bó hẹp trong những mối quan hệ nhất định và chỉ dành cho tầng lớp trên của xã hội. Chúng tôi xin trích ra đây một đoạn khá tiêu biểu trong Luận Ngữ để minh chứng cho điều này: “Tử Cống hỏi: nếu như người có trợ cấp nhiều đối với “dân” (người lao động tự do), lại có thể cứu giúp cả tầng lớp “chúng” (người lao động khổ sai) thì có thể gọi là Nhân không? Khổng Tử trả lời: Đấy đâu liên quan đến Nhân, đấy chắc chắn là Thánh rồi”⁽⁶⁾. Vậy theo Khổng Tử việc yêu và giúp đỡ mọi người trong xã hội - đặc biệt là đối với những người nô lệ cùng khổ trong xã hội, là một điều không tưởng mà chỉ có bậc thánh mới thực hiện được. Nói cách khác, Khổng Tử đã từ chối một tình yêu rộng lớn trong chữ Nhân của mình; con thuyền Nhân của ông không đủ chỗ để mang một tình yêu thương rộng khắp cho toàn xã hội. Và cũng vì thế mà “Nhân ở đây hoàn toàn khác với chủ nghĩa nhân đạo cộng sản và lòng nhân ái được giáo dục trong xã hội ta ngày nay”⁽⁷⁾.

Tuy nhiên, nếu gạt bỏ những hạn chế do tính lịch sử ấy, sự yêu người và giúp đời ở đây thật đáng trân trọng và noi theo. Hồ Chí Minh khẳng định: “học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân”. Đối với xã hội ta ngày nay, điều đó lại càng có ý nghĩa, khi cơ chế thị trường đang mở rộng, mặt trái và những tác động tiêu cực của nó ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống đạo đức xã hội. Sự cạnh tranh thị trường

tìm kiếm lợi nhuận tối đa luôn làm chủ nghĩa cá nhân có dịp phát triển cao độ. Lối sống vị kỉ như những chiếc vòi bạch tuộc lan rộng làm xói mòn những giá trị đạo đức truyền thống. Ma lực của đồng tiền có thể làm biến dạng những quan hệ tốt đẹp. Tham nhũng trở thành quốc nạn, các tệ nạn xã hội ngày càng có chiều hướng gia tăng.

Trước thực trạng đó, nội dung Yêu người, Giúp đời như một lời nhắn gọi con người về với cội nguồn thiên tâm. Lấy đạo đức đặt lên hàng đầu, xem nhân nghĩa là chuẩn mực cao cả, là một chân giá trị mà phạm trù Nhân đưa ra khuyên con người biết “trọng nghĩa khinh tài”. Từ đề cao nhân nghĩa, Nhân góp phần lên án chủ nghĩa vị kỉ, lối sống vì lợi ích cá nhân mà xem nhẹ lợi ích cộng đồng (bất nhân, bất hiếu, bất nghĩa bị Nho giáo so sánh với khuyến mã). Nhân góp một tiếng nói thiết tha kêu gọi sự tương thân tương ái giữa người với người theo tinh thần “khuyến khích nhau về đạo đức và sự nghiệp, răn bảo nhau trước lỗi lầm, cứu giúp nhau trong hoạn nạn, chăm sóc nhau khi đau ốm” (Đức nghiệp tương khuyến, qua thất tương quy, hoạn nạn tương cứu, bệnh tật tương phù).

Tuy có phần mơ hồ và có những hạn chế nhất định, nhưng chủ trương yêu người, giúp đời thể hiện rõ một tinh thần và ý nguyện hết sức tốt lành: thiết tha giúp con người tránh đau khổ, phản đối chiến tranh, phản đối cạnh cá lớn nuốt cá bé, hướng tới một xã hội đại đồng, trong đó mọi bất công tội lỗi không còn, hạnh phúc yên vui sẽ đến với mọi người. Đây cũng là những chân giá trị mà xã hội ta luôn luôn mong muốn và hướng tới./.

6. Đoàn Trung Còn (dịch), Sdd., phần Luận Ngữ, trang 97.

7. Vũ Khiêu. *Anh hùng và nghệ sĩ*, Nxb. Văn học Giải Phóng 1975, tr. 86.